TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CH ỦNGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2026
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hữu Ý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Mai Văn Chất.

Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Hồng Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh ngày 20/3/1991; Căn cước công dân số 0371910103xx; Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Phòng 102, số D, phường S, quận B, thành phố I, Hàn Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 2002; địa chỉ: Số B, ngõ A Pháo Đài L, phường L, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn P, sinh ngày 02/6/1990; Căn cước công dân số 0370900147xx; Địa chỉ: Xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình;

(Chị Phạm Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Đỗ Văn P có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 14/8/2025 nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Văn P1 được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 25/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại

xóm C K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình). Qúa trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng phát sinh bất đồng quan điểm. Do cuộc sống gia đình luôn bế tắc nên khoảng tháng 3/2023, chị L đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc với mong muốn cải thiện cuộc sống kinh tế của gia đình. Thời gian đầu, chị L và anh P1 vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, nhưng sau một thời gian giữa chị và anh P1 xảy ra bất đồng, tình cảm vợ chồng dần xa cách và không liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn P.

Về con chung: Chị L và anh P có hai con là cháu Đỗ Thị Minh T1, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Đỗ Hữu T2, sinh ngày 26/6/2017 hiện các cháu đang sinh sống với ông bà ngoại, để đảm bảo điều kiện cuộc sống ổn định, sau khi ly hôn cả hai cháu sẽ do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Hiện chị đang ở Hàn Quốc chưa thể về được nên chị ủy quyền cho bố mẹ đẻ của chị là ông Phạm Xuân K và bà Đoàn Thị Đ thay chị chăm sóc đến khi chị về nước. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết chị nhận thấy chị đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con hàng ngày. Trong khi đó các con đều đang sinh sống ổn định cùng anh P, để không bị xáo trộn và đáp ứng nguyện vọng của các cháu, chị tự nguyện đồng ý giao cả hai cháu cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con nếu anh P yêu cầu thì chị thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định; trường hợp anh P không yêu cầu tôi cấp dưỡng thì tôi không có ý kiến gì khác.

Về tài sản chung: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện chị hiện đang lao động tại Hàn Quốc không có mặt ở Việt Nam nên chị có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt. Các văn bản, giấy tờ chị đã ủy quyền cho anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 2002; địa chỉ: Số B, ngõ A Pháo Đài L, phường L, thành phố Hà Nội thay mặt chị giao nộp các văn bản cho Tòa án và các văn bản của Tòa án gửi cho chị, anh T nhận thay chị.

Tại bản tự khai ngày 15/12/2025, bị đơn anh Đỗ Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với trình bầy của chị L về việc kết hôn, diễn biến quá trình chung sống và những mâu thuẫn gia đình đều do vấn đề làm ăn kinh tế, nên khoảng tháng 3/2023 chị L đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Từ khi đi chị L rất ít khi liên lạc với anh, chị chỉ liên lạc về cho bố mẹ đẻ để hỏi thăm các con, không quan tâm đến cuộc sống của anh và vợ chồng cũng sống ly thân từ năm 2023 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh P cũng xác định tình cảm không còn và không muốn đoàn tụ vợ chồng, nên anh nhất cũng trí ly hôn với chị Phạm Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có hai con là cháu Đỗ Thị Minh T1, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Đỗ Hữu T2, sinh ngày 26/6/2017, từ khi chị L đi xuất khẩu

lao động, các cháu đều do anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do vậy khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho các cháu.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 17/12/2025 tại UBND xã K, tỉnh Ninh Bình cung cấp: chị Phạm Thị L, sinh năm 1991 và anh Đỗ Văn P, sinh năm 1990 đều đăng ký thường trú tại xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình. Chị L và anh P đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng anh P sinh sống tại xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình; khoảng đầu năm 2023 chị L đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chính quyền địa phương không nắm rõ, vì trước đây anh chị chưa lần nào hòa giải tại cơ sở. Chị L và anh P có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Minh T1, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Đỗ Hữu T2, sinh ngày 26/6/2017 đang sinh sống cùng anh P và thấy anh P có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nay chị L làm đơn xin ly hôn với anh P, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 4- Ninh Bình giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh tại gia đình chị Phạm Thị L, ông Phạm Xuân K là bố đẻ của chị L cung cấp: chị L và anh Đỗ Văn P là vợ chồng hợp pháp; vợ chồng có hai con chung là cháu Đỗ Thị Minh T1, sinh năm 2014 và cháu Đỗ Hữu T2 sinh, năm 2017. Do làm ăn kinh tế gia đình bị thua lỗ dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến khoảng đầu năm 2023, chị L đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc, chị L cũng có gọi điện về cho bố mẹ hỏi thăm và gửi tiền về để chăm sóc các con. Về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con, anh P có đủ các điều kiện và thực tế đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Tại biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của cháu Đỗ Thị Minh T1, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Đỗ Hữu T2 ngày 04/12/2026, các cháu trình bày cùng có nguyện vọng muốn tiếp tục được ở cùng với bố, vì từ khi mẹ đi xuất khẩu lao động bố là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 228, khoản 1 Điều 469,

của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử:
- Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L với anh Đỗ Văn P.
- Về con chung: Giao hai con chung cho anh Đỗ Văn P tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh P.
- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị L có quốc tịch Việt Nam, nơi đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh ở xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình; hiện đang sinh sống và làm việc tại lãnh thổ Hàn Quốc; bị đơn anh Đỗ Văn P có quốc tịch Việt Nam, địa chỉ: Xóm C, xã K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 469, 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

Chị Phạm Thị L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị Phạm Thị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Văn P1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã Đ, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 25/3/2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, các bên thừa nhận nguyên nhân là do kinh tế gia đình gặp khó khăn, dẫn đến bất đồng quan điểm. Do vậy, khoảng tháng 3/2023, chị L đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân nhau, đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa; Là và anh P1 đều yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh P1 đã không cùng chung sống, yêu thương chăm sóc, giúp đỡ nhau trong thời gian dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Phạm Thị L.

[3] Về việc nuôi con: Chị L và anh P1 có hai con chung là cháu Đỗ Thị Minh T1, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Đỗ Hữu T2, sinh ngày 26/6/2017, hiện nay cả hai cháu đều đang do anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị L đề nghị giao cả hai cháu T1 và T2 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Hiện chị đang sinh sống, làm việc ở Hàn Quốc chưa thể về được nên chị ủy quyền cho bố mẹ đẻ của chị là ông Phạm Xuân K và bà

Đoàn Thị Đ thay chị chăm sóc đến khi chị về nước. Quá trình giải quyết vụ án chị nhận thấy chị đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con hàng ngày. Trong khi đó các con đều đang sinh sống ổn định cùng anh P1, nên chị có bản khai xin thay đổi ý kiến và tự nguyện đồng ý giao cả hai con cho anh P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Anh P1 cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu T1 và T2.

Cháu Đỗ Thị Minh T1 và cháu Đỗ Hữu T2 đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với anh P1.

Xét nguyện vọng ban đầu của chị L được nuôi hai con là chính đáng, tuy nhiên chị đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài và sau đó chị đã tự nguyện giao cả hai con cho anh P1 nuôi dưỡng. Anh P1 có đủ các điều kiện nuôi con và đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con từ khi chị L đi Hàn Quốc. Nguyện vọng của cháu T1 và cháu T2 đều muốn được ở cùng với anh P1. Vì vậy, việc giao cháu Đỗ Thị Minh T1 và cháu Đỗ Hữu T2 cho anh P1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Văn P không yêu chị L cấp dưỡng cho con; Toà án đã giải thích về quyền và lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên, anh P khẳng định có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con khi ly hôn nên không buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh P không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 228, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 121, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Đỗ Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Minh T1, sinh ngày 06/10/2014 và cháu Đỗ Hữu T2, sinh ngày 26/6/2017 cho anh Đỗ Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

"Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”

3. Về tài sản chung: Chị L và anh P không có yêu cầu giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002975 ngày 19/11/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Đỗ Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã K;
- Các đương sự
- Lưu Hồ sơ vụ án.
.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Hữu Ý